TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2018
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Minh Đức;
2. Bà Vũ Thị Thùy Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2018 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 14/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1962

Bị đơn: Chị Phan Thị O, sinh năm 1965.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/11/2000.

Cùng địa chỉ: Số Z, đường P, khu phố M, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số Z, đường P, khu phố M, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức S trình bầy:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức S và chị Phan Thị O đăng ký kết hôn với nhau năm 1985 tại UBND phường H, thị xã H. Vợ chồng sống vui vẻ, đến tháng 3 năm 2015 chị O mang hết tiền, vàng của vợ chồng rồi bỏ nhà đi khoảng 10 tháng, anh S không biết chị O đi đâu và làm gì, bỏ mặc các con ở nhà cùng anh S. Đến gần tết nguyên đán năm 2016 thì chị O về, chị O nói thì anh S mới biết chị O đi vào Bình Phước làm ăn cùng anh trai chị O. Chị O cũng không giải thích được số

tiền, vàng mang đi sử dụng vào việc gì. Từ khi chị O về thì anh S ra ngoài đầm ở và sống ly thân với chị O. Do không còn tình cảm với chị O nên cuối năm 2016 anh S đã làm đơn xin ly hôn chị O. Ngày 15/12/2016 Tòa án nhân dân thành phố H mở phiên tòa xét xử và đã quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S. Kể từ đó cho đến nay, tình cảm vợ chồng không có gì thay đổi và vẫn sống ly thân, vợ chồng không liên lạc và quan tâm đến nhau, kinh tế không liên quan đến nhau. Bản thân chị O nói còn tình cảm với anh S nhưng không hề chủ động làm lành hay hàn gắn tình cảm với anh S. Nay anh S xác định không còn tình cảm với chị O, vợ chồng không thể về chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn chị Phan Thị O.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/11/2000. Khi ly hôn, Cháu Đ có nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ thì anh S cũng đồng ý. Nếu Cháu Đ ở với anh S thì anh S không yêu cầu chị O đóng góp tiền nuôi con, còn ở với chị O thì anh S sẽ đóng góp tiền nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng. Đối với cháu T, cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ nần: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai và các *các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị O trình bầy:*

Chị O và anh S kết hôn với nhau từ năm 1985 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến khi chị O sinh Cháu Đ được khoảng 4 tháng thì chị O phát hiện anh S có quan hệ ngoại tình với chị B nhưng chị O vẫn chịu đựng để gia đình yên ấm. Sau đó do mải làm ăn, chị O cũng không biết anh S và chị B còn quan hệ với nhau hay không. Tháng 02 năm 2015 Cháu Đ gây tai nạn và bị Công an giữ chiếc xe máy AIR BLATE, anh S muốn lấy xe về nhưng không có tiền nên suốt ngày chửi bới chị O. Vì thế chị O đã đi vào Bình Phước để vay tiền của anh trai ruột chị O. Khi vào Bình Phước, chị O và cháu nội bị tai nạn phải nằm điều trị tại bệnh viện và phải ở trong đó 08 tháng. Trong thời gian chị O vắng nhà, anh S đã đưa chị B về nhà ăn nằm với nhau, các con không dám cho chị biết vì chị đang bệnh tật. Khoảng gần tết năm 2016 chị O và anh S có cãi nhau về việc quan hệ của anh S với chị B, do bị anh S đánh nên chị O đã trình báo Công an phường H đến giải quyết. Sau đó chị B có viết cam kết sẽ không quan hệ với anh S nữa. Từ khi Tòa án giải quyết không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh S cho đến nay, anh S không về nhà ở với mẹ con chị mà thuê nhà ở Chợ Gạo ở cùng với chị B. Chị O và các cháu có gọi điện thoại bảo anh S về nhưng anh S không về. Chị O xác định không còn tình cảm với anh S nữa nhưng vẫn còn tình thương nên chị O không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu phải ly hôn, chị O có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thành Đ và không yêu cầu anh S phải đóng góp tiền nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Đức T, cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị O không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ nần: Không đề nghị giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ trình bầy:

Khoảng 5 năm gần đây bố có cặp bồ với cô B bán thịt lợn ở Chợ Chiều nên bố mẹ cháu đã xảy ra mâu thuẫn. Do có bồ nên bố cháu không ăn, ngủ và sinh hoạt ở nhà, thỉnh thoảng có việc thì về xong lại đi. Bố mẹ cháu không đánh cãi nhau nhưng bố lạnh nhạt tình cảm với mẹ. Anh em cháu có nói chuyện với bố về việc bố có quan hệ với cô B nhưng bố nói không phải việc của anh em cháu. Việc bố khai mẹ cháu tự ý đi vào Miền Nam mang theo tiền, vàng là không đúng. Mẹ cháu cùng với con của anh trai cháu đi vào đó ăn đám cưới nhưng không may bị tai nạn phải ở trong đó khoảng 2 tháng, sau đó cháu có vào đón mẹ cháu về. Từ sau khi Tòa án xử bác đơn ly hôn của bố cháu thì tình cảm vợ chồng của bố mẹ cháu vẫn không có gì tiến triển. Bố cháu vẫn không ở nhà, còn bố mẹ có liên lạc với nhau bằng điện thoại không thì cháu không biết vì cháu đi phụ xe Bắc - Nam thường xuyên vắng nhà. Hôm cháu xây dựng gia đình, bố cũng về cùng mẹ tổ chức lễ cưới cho cháu, xong việc bố lại đi, không ở nhà với mẹ con cháu. Bố không đưa tiền cho mẹ cháu chi tiêu sinh hoạt gia đình. Cháu đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về đoàn tụ. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên. Ngoài ra cháu Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Đức T đều xác nhận anh S và chị O sống với nhau không có hạnh phúc, cả hai đều rất mệt mỏi về tình cảm.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đ□a vụ án ra xét xử, yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 189, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX:

- Về hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức S được ly hôn chị Phan Thị O.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/11/2000 cho chị Phan Thị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Phan Thị O cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức S, cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/ 1 tháng. Thời điểm đóng góp tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Phan Thị O có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Nguyễn Đức S không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị O đều không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Đức S yêu cầu giải quyết ly hôn chị Phan Thị O, sinh năm 1967, địa chỉ: Số Z, đường P, khu phố M, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành thụ lý đơn khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 189 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức S và chị Phan Thị O kết hôn với nhau từ năm 1985 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện. Theo anh S và chị O thì anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Hưng Yên, nay là thành phố H nhưng anh chị đã làm mất Giấy đăng ký kết hôn. Qua xác minh thì UBND phường H không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1985. Mặc dù không có căn cứ xác định việc anh S và chị O có đăng ký kết hôn hay không nhưng anh S và chị O đã có quan hệ vợ vợ chồng từ năm 1985 (trước ngày 03/01/1987), đến nay thời gian chung sống với nhau đã trên 30 năm và đã có con chung, tài sản chung. Căn cứ khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì hôn nhân giữa anh S và chị O là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh S: Từ khi kết hôn với nhau, anh S và chị O sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do kinh tế và do chị O nghi ngờ anh S có quan hệ ngoại tình với chị Phạm Thị B là hàng xóm với nhà chị O. Giữa chị O và chị B đã xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị O đã xúc phạm và làm vỡ kính của nhà chị B nên đã bị Công an phường H, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng vợ chồng anh S, chị O không xảy ra việc đánh, cãi nhau. Tháng 10 năm 2016, anh S đã có đơn xin ly hôn chị O gửi TAND thành phố H. Tại Bản án số 19/2016/HTND-ST ngày 15/12/2016 của TAND thành phố H đã nhận định vợ chồng anh S thực sự không có mâu thuẫn trầm trọng nên đã quyết định không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S. Kể từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng anh S không có sự thay đổi, anh S cũng không về sống chung cùng chị O, kinh tế vợ chồng không phụ thuộc lẫn nhau. Việc này được ông Trần Thành P- Trưởng Khu Phố M, phường H và bà Nguyễn Thị D - hàng xóm gần nhà vợ chồng anh S (BL 40, 41). Cháu Nguyễn Đức T cung cấp " Khoảng 5 năm gần đây bố cặp bồ

với cô B, bố không ăn uống, ngủ ở nhà, thỉnh thoảng về có việc gì sau đó lại đi. Từ sau khi Tòa án bác đơn ly hôn của bố, tình cảm của bố mẹ tôi vẫn thế, không có gì tiến triển. Bố tôi vẫn không ở nhà, đi suốt" (BL số 35). Chị O cũng thừa nhận từ sau khi Tòa án xét xử bác đơn ly hôn của anh S thì anh S cũng không về chung sống cùng mẹ con chị mà thuê nhà ở cùng với chị B. Tuy nhiên chị O không đưa ra được căn cứ chứng minh việc anh S chung sống cùng chị B. Bản thân chị O còn xác định cho đến nay chị không còn tình cảm với anh S nhưng vì vẫn còn tình thương nên chị O không nhất trí ly hôn với anh. Từ những phân tích trên cho thấy cả chị O và anh S đều không còn tình cảm với nhau nên cả hai đã không tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình vợ chồng. Tại phiên tòa, các cháu T và Đức đều xác nhận anh S và chị O sống với nhau không có hạnh phúc, cả hai đều rất mệt mỏi về tình cảm. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa anh S và chị O đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc anh S xin ly hôn chị O là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/11/2000. Chị O có nguyện vọng được nuôi Cháu Đ, nguyện vọng này phù hợp với nguyện vọng của Cháu Đ, anh S cũng nhất trí theo nguyện vọng của cháu. Do vậy sẽ giao Cháu Đ cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu T, cháu đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng, anh S và chị O không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Đức S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Phan Thị O cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi Cháu Đ nhưng anh S lại tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con của anh S là sự tự nguyện và đảm bảo cho chị O nuôi cháu được tốt hơn nên sẽ chấp nhận việc tự nguyện cấp dưỡng của anh S.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị O đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đức S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 189, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức S được ly hôn chị Phan Thị O.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/11/2000 cho chị Phan Thị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Phan Thị O cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức S, cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng. Thời điểm đóng góp tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Phan Thị O có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Nguyễn Đức S không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị O đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Đức S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con. Cộng bằng 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng án phí)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000054 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Anh S còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức S, chị Phan Thị O và cháu Nguyễn Thành Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TPH;
- Các đ- ơng sự;
- TA tỉnh H;
- THA dân sự TP H;
- L- u hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lý